

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 227 /UBND-KT

Vĩnh Châu, ngày 05 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO

Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách Thị xã Vĩnh Châu Quý III năm 2022

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn công khai nhà nước đối với các cấp ngân sách; Theo đó tại Điều 12 của Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định Ủy ban nhân dân thị xã thực hiện công khai các nội dung quy định tại Điều 11 của Thông tư này”.

Căn cứ Nghị Quyết số 69/NQ-HĐND, ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thị xã Về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương thị xã Vĩnh Châu, năm 2022;

Căn cứ Quyết định 3170/QĐ-UBND, ngày 17 tháng 12 năm 2021 của UBND thị xã Vĩnh Châu về việc giao dự toán thu sách nhà trên địa bàn – chi ngân sách địa phương, thị xã Vĩnh Châu năm 2022;

Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu báo cáo công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách thị xã Vĩnh Châu Quý III năm 2022, cụ thể đính kèm báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã Vĩnh Châu quý III năm 2022./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh;
- TT HĐND thị xã;
- Phòng TCKH;
- Lưu: VT, NC.



Nguyễn Thanh Liêm



Handwritten text in red ink, possibly a signature or date, located in the lower left corner of the page.



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 22/BC-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022

của Ủy ban nhân dân thị xã Vinh Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	55.700	31.410	56,39%	403,62%
I	Thu nội địa	55.700	31.410	56,39%	403,62%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	16.000	3.550	22,19%	150,74%
	Thuế tài nguyên - 1550	60	12		
	Thuế TTĐB - 1750	70			
	TNDN - 1050	2.500	606	24,24%	309,18%
	GTGT - 1700	13.370	2.932	21,93%	138,17%
4	Thuế thu nhập cá nhân	11.000	17.303	157,30%	3977,70%
5	Thuế bảo vệ môi trường		-		
6	Lệ phí trước bạ	14.000	4.365	31,18%	407,94%
7	Thu phí, lệ phí	2.700	312	11,56%	342,86%
8	Các khoản thu về nhà, đất	10.000	5.469	54,69%	175,18%
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		-		
	Thu tiền sử dụng đất	10.000	5.469	54,69%	175,18%
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		-		
10	Thu khác ngân sách	2.000	411	20,55%	57,97%
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	56.800	31.410	55,30%	403,62%
1	Từ các khoản thu phân chia	10.200	2.934	28,76%	156,73%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	46.600	28.476	61,11%	481,83%





Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ QUÝ III NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 22X /BC-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022

của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>	<i>4</i>
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	55.700	211.023	378,86%	485,41%
I	Thu cân đối NSNN	55.700	31.410	56,39%	132,21%
1	Thu nội địa	55.700	31.410	56,39%	132,21%
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		179.613		911,00%
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	536.531	121.736	22,69%	141,83%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	500.294	99.769	19,94%	116,23%
1	Chi đầu tư phát triển	37.305	7.018	18,81%	
2	Chi thường xuyên	451.994	92.096	20,38%	108,87%
3	Dự phòng ngân sách	10.995	655	5,96%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	36.237	21.967	60,62%	





Biểu số 95/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ QUÝ III NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 227/BC-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022

của Ủy ban nhân dân thị xã Vinh Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN		543.740	99.769	18,35%	78,72%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	507.503	99.769	19,66%	111,61%
I	Chi đầu tư phát triển	37.305	7.018	18,81%	197,36%
1	Chi đầu tư cho các dự án				
2	Chi đầu tư phát triển khác	37.305	7.018	18,81%	197,36%
II	Chi thường xuyên	451.994	92.096	20,38%	108,87%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	321.019	47.417	14,77%	84,55%
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi y tế, dân số và gia đình	2.227	513	23,04%	
4	Chi văn hóa thông tin - Thể thao	2.758	529	19,18%	102,12%
5	Chi sự nghiệp Truyền thanh	1.164	19		
6	Chi bảo vệ môi trường	8.212	7.184	87,48%	91,96%
7	Chi hoạt động kinh tế	39.988	15.994	40,00%	222,57%
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	37.406	8.504	22,73%	75,92%
9	Chi bảo đảm xã hội	35.095	11.936	34,01%	1729,86%
10	Chi thường xuyên	1.000	740	74,00%	336,36%
11	Chi quốc phòng	2.679	150	5,60%	125,00%
12	Chi an ninh	446	24	5,38%	
III	Dự phòng ngân sách	10.995	655	5,96%	52,91%
IV	Chi tạo nguồn CCTL	7.209			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	36.237	-	0,00%	0,00%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	36.237		0,00%	0,00%

